

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 19 tháng 04 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 92/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) Đầu tư V.

Địa chỉ trụ sở chính: Tháp B, A T, Phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Văn Q - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh N.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Nam D - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh N - Phòng G hoặc ông Trần Công S - Chức vụ: Chuyên viên Quản lý khách hàng Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh N - Phòng G.

Địa chỉ: H H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai (Theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 717/QĐ-BIDV.NGL ngày 30/5/2023 của người đứng đầu Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh N).

Bị đơn: Bà Phạm Thị Thu H, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Thôn P, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi:

Bà **Phạm Thị Thu H** có nghĩa vụ thanh toán cho **Ngân hàng TMCP Đ** (thông qua **Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh N - Phòng G**) toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 19/4/2024 là 662.413.835 đồng, trong đó nợ gốc là 400.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 232.236.712 đồng, nợ lãi quá hạn là 30.177.123 đồng.

Phương thức và thời hạn thanh toán như sau:

- Ngày 19/9/2024: Bà **Phạm Thị Thu H** thanh toán số tiền gốc 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

- Ngày 19/4/2025: Bà **Phạm Thị Thu H** thanh toán số tiền gốc còn lại là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng), toàn bộ số tiền lãi tính đến ngày 19/4/2024 là 232.537.835 đồng (Hai trăm ba mươi hai triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn tám trăm ba mươi lăm đồng) và số tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 20/4/2024.

Trường hợp bà **Phạm Thị Thu H** vi phạm nghĩa vụ trả nợ vào ngày 19/9/2024 thì Ngân hàng có quyền yêu cầu thi hành án toàn bộ số tiền gốc và lãi bà **Phạm Thị Thu H** còn chưa thanh toán cho Ngân hàng.

Kể từ ngày 20/4/2024, bà **Phạm Thị Thu H** phải tiếp tục trả lãi cho **Ngân hàng TMCP Đ** theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản tiền nợ gốc. Trường hợp **Ngân hàng TMCP Đ** điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà bà **Phạm Thị Thu H** phải tiếp tục thanh toán cho **Ngân hàng TMCP Đ** theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

2.2. Về quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Trong trường hợp bà **Phạm Thị Thu H** vi phạm nghĩa vụ thanh toán của một trong các lần thanh toán vào ngày 19/9/2024 và ngày 19/4/2025 thì **Ngân hàng TMCP Đ** có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Chi tiết của tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/9458005/HĐBĐ ngày 23/02/2017, Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/9458005/HĐBĐ ngày 23/02/2017 số 01/2017/9458005/SĐBS ngày 22/01/2018, Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/9458005/HĐBĐ ngày 23/02/2017 số 01/2018/9458005/SĐBS ngày 17/9/2018 và Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 23/02/2017.

Tài sản cụ thể gồm:

- Tài sản 1: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ số 00, diện tích 10.718m², địa chỉ: **Thôn P, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai**, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 439668 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai cấp ngày 05/01/2015 mang tên bà **Phạm Thị Thu H**.

- Tài sản 2: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 320a, tờ bản đồ số 30, diện tích 420m², địa chỉ: **Thôn P (nay là thôn P), xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai**, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 747106 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai cấp ngày 15/12/2013 mang tên bà **Phạm Thị Thu H.**

- Tài sản 3: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 101b, tờ bản đồ số 30, diện tích 189m², địa chỉ: **Thôn P, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai**, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 439398 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai cấp ngày 14/01/2014 mang tên bà **Phạm Thị Thu H.**

2.3. Về chi phí tố tụng:

Bà **Phạm Thị Thu H** phải chịu chi phí tố tụng nên có nghĩa vụ thanh toán lại cho **Ngân hàng TMCP Đ** (thông qua **Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh N - Phòng G**) số tiền 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm đồng). Thời hạn thanh toán là ngày 19/4/2025. Bà **Phạm Thị Thu H** không phải chịu tiền lãi chậm trả đối với khoản tiền này.

2.4. Về án phí sơ thẩm:

Các đương sự hòa giải thành nên được giảm 50% tiền án phí sơ thẩm. Bà **Phạm Thị Thu H** phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 15.248.277 đồng (Mười lăm triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn hai trăm bảy mươi bảy đồng).

Hoàn trả cho **Ngân hàng TMCP Đ** (thông qua **Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh N - Phòng G**) toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 14.982.186 đồng (Mười bốn triệu chín trăm tám mươi hai nghìn một trăm tám mươi sáu đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001483 ngày 17/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan thi hành án cùng cấp;
- Lưu: HSVA, VT-LT.

THẨM PHÁN

(Đã ký, đóng dấu)

Nay Lu Vinh

